

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 396, Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số **33/2025/TLST-VHNGĐ** ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1/ **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Ấp 4, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp;

2/ **Lê Thanh L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân*: Việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Minh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] *Về con chung*: Có 03 con chung tên **Nguyễn Minh Q**, sinh ngày

23/11/2015, **Nguyễn Minh T1**, sinh ngày 14/4/2018, **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 16/6/2021. Khi ly hôn, hai anh chị trình bày là thống nhất giao 03 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét, chị B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hai con chung Q và T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 03 con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 03 con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền là 2.000.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa anh chị có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh chị trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, anh N1 và chị L không có thay đổi ý kiến gì về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên **Nguyễn Minh Q**, sinh ngày 23/11/2015, **Nguyễn Minh T1**, sinh ngày 14/4/2018, **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 16/6/2021. Khi ly hôn, giao 03 con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc 03 con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*:

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền là 2.000.000đồng/tháng, thực hiện ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên, thì anh còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Ngọc B cùng chịu 300.000đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cân trừ với số tiền tạm ứng 300.000đồng mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000284 ngày 08/7/2025 của Cục Quản lý thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T và chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV3 – Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp;
- Người yêu cầu;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

